

Số: 02/2021/QĐST-DS

V, ngày 04 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2021/TLST- DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961;

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Thanh N, sinh năm 1984;

Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Bà Nguyễn Thị T và anh Phạm Thanh N đều xác định: Anh Phạm Thanh N có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 123.000.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu đồng). Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, anh N là người trực tiếp trả tiền cho bà T và trả nhiều lần. Tổng số tiền anh N đã trả cho bà Tuyết là 29.780.000 đồng. Lần cuối cùng anh N trả tiền cho bà T là vào ngày 08 tháng 11 năm 2020. Sau đó bà T đã nhiều lần báo trước và cho anh N thời gian để trả nợ nhưng anh N không trả nên bà T đã khởi kiện đến Tòa án. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, khoảng giữa tháng 4 năm 2021 anh N đã trả thêm cho bà T 11.400.000 đồng. Tổng cộng toàn bộ số tiền anh N đã trả bà T là 41.180.000 đồng. Hiện anh N

còn nợ bà T số tiền là 81.820.000 đồng. Nay bà T và anh N cùng nhau thống nhất thỏa thuận:

**2.1.** Anh Phạm Thanh N phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 81.820.000 đồng (tám mươi một triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng), phương thức trả nợ: Mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) kể từ tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 8 năm 2022. Bà T không yêu cầu anh N phải trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc còn lại trên.

**2.2.** Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

**2.3.** Về án phí: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 2.045.500 đồng (hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng). Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 284.500 đồng (Hai trăm tám mươi tư nghìn năm trăm đồng) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0001080 ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện V
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện V;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu HCTP.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)